

Số: 33/2024/QĐST-HNGĐ

BL, ngày 20 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị B, sinh ngày 03/10/1999; nơi cư trú: xóm KN, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Anh Lý Văn D, sinh ngày 20/6/1993; nơi cư trú: xóm KN, xã TH, huyện BL, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị B và anh Lý Văn D.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Chị Đặng Thị B và anh Lý Văn D thoả thuận nhất trí ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Chị B, anh D có 01 con chung là Lý Minh D2, sinh ngày 06/12/2017. Sau khi ly hôn, anh Lý Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lý Minh D2 cho đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đặng Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lý Minh D2, sinh ngày 06/12/2017 số tiền 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11/2024 cho đến khi cháu D2 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không có.

2.6. Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, điểm b, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Đặng Thị B và anh Lý Văn D mỗi người phải chịu số tiền 75.000 đồng án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, Chị B phải chịu số tiền 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung để nộp ngân sách Nhà nước. Chị B tự nguyện nộp thay án phí cho anh D số tiền 75.000 đồng án phí dân sự Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Tổng số tiền Chị B phải nộp là 300.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Xác nhận Chị B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0003593, ngày 22/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Đương sự đã nộp đủ tiền án phí.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện BL;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện BL;
- UBND xã TH (Để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim